TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số: 350/2024/HS-PT
Ngày: 19/4/2024

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Lệ;

Ông Võ Hồng Sơn.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Thành Trung, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 228/2024/TLPT-HS ngày 23 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo Tống Quang T phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản", do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2024/HS-ST ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

1. Bị cáo bị kháng cáo:

Tống Quang T, sinh ngày 10 tháng 12 năm 1981, tại tỉnh Điện Biên. Nơi thường trú: Bản H, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; Chỗ ở trước khi bị bắt: Tổ dân phố A, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Tống Quang N, sinh năm 1954 và bà Lại Thị H, sinh năm 1953; bị cáo có vợ Trương Thị L, sinh năm 1991; có 02 người con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án: Không, tiền sự: Không; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Nhân thân: Ngày 20/3/2000, Tống Quang T bị Công an thị xã Đ, tỉnh Lai Châu (nay là thành phố Đ, tỉnh Điện Biên) xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi Gây rối trật tự công cộng. Ngày 05/12/2002 bị Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu (nay là tỉnh Điện Biên) xử phạt 03 năm tù cho hưởng án treo về tội hiếp dâm. Ngày 01/8/2006 bị Tòa án nhân dân thành phố Đ xử phạt 50 tháng tù về tội Cưỡng đoạt tài sản, đến năm 2009 chấp hành xong hình phạt về địa phương sinh sống. Ngày 01/01/2012 bị đưa vào cơ sở giáo dục thời hạn 12 tháng theo Quyết định của Uỷ ban nhân dân tỉnh Điện Biên. Ngày 30/6/2017 bị Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên xử phạt 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng về tội Cưỡng đoạt tài sản, đến ngày 30/12/2021 chấp hành

xong hình phạt. Ngày 01/3/2020, bị Công an thành phố Đ, tỉnh Điện Biên xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi xâm phạm sức khỏe người khác.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/4/2023, bị tạm giam từ ngày 28/4/2023 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên, đến ngày 30/11/2023 thay đổi từ tạm giam bằng áp dụng biện pháp bảo lĩnh cho đến nay.

2. Bị hại có kháng cáo: Chị Hà Thị T1, sinh ngày 23/6/1991. Địa chỉ: Bản C, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Trương Thị L là vợ của Tống Quang T có hợp đồng làm đại diện Tổng đại lý bán các loại vé xổ số tại huyện T với Công ty TNHH xổ số kiến thiết Đ. Chị L là người đứng tên đại diện Tổng đại lý huyện T nhưng do bận con nhỏ nên việc điều hành hoạt động của Tổng đại lý do Tống Quang T thực hiện, chị L chỉ là người ký các giấy tờ, hợp đồng theo thủ tục. T đã thuê Đào Hải L1 làm công việc hàng ngày của Tổng đại lý tại huyện T, tỉnh Điện Biên.

Do có nhu cầu kinh doanh dịch vụ bán vé xổ số, lô tô để tăng thu nhập nên vào đầu tháng 01/2023 chị Hà Thị T1 đã liên hệ với Tống Quang T để xin mở 02 đại lý bán vé lô tô, xổ số tại bản Sái Trong, xã Q và bản M, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. Chị T1 đã hẹn gặp T tại khu vực Quảng trường 7/5, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. T đồng ý cho chị T1 mở 02 đại lý và sẽ không mở thêm các đại lý ở khu vực của chị T1, mỗi tháng chị T1 chỉ phải nộp tiền khoán cho Công ty TNHH xổ số kiến thiết Đ ở mức thấp từ 500.000 đồng – 700.000 đồng/ngày; đồng thời chị T1 phải nộp cho T số tiền 30.000.000 đồng, nộp theo quý. Chị T1 đã chuyển cho T số tiền 110.000.000 đồng, trong đó 20.000.000 đồng là tiền nợ trước, 90.000.000 đồng để kinh doanh xổ số trong tháng 01, 02, 03 năm 2023. Do chưa làm được căn cước công dân nên chị T1 có thuê Lò Thị H1 và Lường Thị H2 đứng tên làm hợp đồng mở đại lý với Công ty TNHH xổ số kiến thiết Đ. Hợp đồng đã được Trương Thị L, Lường Thị H2, Lò Thị H1 ký và gửi về Công ty TNHH xổ số kiến thiết Đ.

Ngày 10/4/2023, T gọi điện, nhắn tin cho T1 yêu cầu nộp tiền quý tiếp theo, T1 xin khất đến 14/4/2023 và xin giảm số tiền phải nộp xuống nhưng T không đồng ý giảm tiền nộp. Từ ngày 10/4/2023 đến ngày 14/4/2023, T thường xuyên nhắn tin, gọi điện giục T1 nộp tiền nếu không sẽ cắt hợp đồng kinh doanh xổ số của T1, T1 trình bày do T vẫn mở thêm đại lý nên thu nhập từ việc ghi xổ số thấp, T1 tiếp tục xin giảm số tiền phải nộp nếu không T1 sẽ nộp tăng tiền khoán với Nhà nước để duy trì kinh doanh như thế T sẽ không cắt được hợp đồng của T1. T không đồng ý và vẫn đe doạ dù có nộp nhiều hơn thì T vẫn cắt được hợp đồng của T1. Sau đó T dùng số điện thoại khác nhắn tin số tài khoản 19035526166xxx mang tên Nguyễn Thị L2 để T1 chuyển tiền. Do T1 không chuyển tiền nên ngày 14/4/2023, tài khoản zalo "Xoso T" (tài khoản mà các đại lý chuyển bảng kê lô

tô, xổ số cho tổng đại lý T) nhắn tin không cho đại lý của T1 chuyển bảng kê nữa và chặn hai đại lý của T1 ở nhóm này. Khi H1 và H2 báo sự việc trên, T1 gọi điện nhưng T không nghe máy, T1 nhắn tin hỏi lý do thì T bảo không cho làm nữa, T1 xin nộp vé nốt hôm nay nhưng T không đồng ý, T1 xin T bình tĩnh giải quyết, để cho T1 còn có đường làm ăn, còn nuôi con nhưng T yêu cầu T1 phải tiếp tục làm như ban đầu (tức chuyển 30.000.000 đồng/tháng cho T). Ngày 15/4/2023, T bảo Đào Hải L1 đi thu hai hợp đồng đại lý của T1, L1 hỏi lý do nhưng T chỉ nói do T không thích cho kinh doanh nữa, T đã báo công ty rồi, Lưu cứ làm theo lời T. Khi L1 đến nhà, T1 thắc mắc về việc vẫn nộp khoán và hỏi lý do thu hợp đồng thì được L1 nói là làm theo chỉ đạo của T, đề nghị T1 tự liên hệ với T. Khoảng 11 giờ ngày 16/4/2023, T gọi điện cho T1 thống nhất nếu T1 chuyển cho T 150.000.000 đồng thì sẽ cho T1 làm đại lý đến hết năm 2023, đồng thời T1 vẫn phải đảm bảo mức khoán của Nhà nước. Sang năm muốn làm tiếp thì sẽ thoả thuận sau. Để tiếp tục được kinh doanh xổ số, T1 đã đồng ý nhưng xin T cho T1 thời gian chuẩn bị.

Ngày 17/4/2023, T gọi điện nhắc T1 chuyển tiền vào tài khoản của L2 và bảo khi chuyển thì ghi "trả nợ" để tránh kiện tụng. T1 xin nộp trước 50.000.000 đồng, T1 yêu cầu T đảm bảo khi đã nộp đủ thì Công ty hay L1 không được cắt hợp đồng, T1 chỉ phải đảm bảo mỗi ngày nộp 700.000 đồng vào vé Nhà nước, T đồng ý. T1 đã chuyển số tiền này vào tài khoản của L2. Ngày 18/4/2023, T tiếp tục gọi điện, nhắn tin thúc ép T1 chuyển tiền, T bảo đang có việc ở Hà Nội cần tiền, T về rồi, không cần nữa là T đổi ý, T1 xin khất nhưng T vẫn nhắn phải chuyển ngay. T1 xin khất đến hết ngày mai, nhưng T chỉ đồng ý cho T1 khất đến sáng hôm sau. Ngày 19/4/2023, T1 chuyển số tiền 50.000.000 đồng vào tài khoản của L2. T tiếp tục yêu cầu T1 chuyển số tiền còn lại, nếu không thì T1 làm 05 tháng thôi, đến tháng 10 là hết. Ngày 22/4/2023, T1 đã chuyển tiền nốt 50.000.000 đồng vào tài khoản của L2; nhận thấy hành vi của T là vi phạm pháp luật, T1 đã đến Công an trình báo.

Tại Kết luận giám định số 3135/KL-KTHS ngày 28/4/2023 của Viện khoa học hình sự, Bộ Công an kết luận:

- Tiếng nói của người phụ nữ xưng là "em" trong mẫu cần giám định và tiếng nói của Hà Thị T1 trong mẫu so sánh là của cùng một người.

- Tiếng nói của người đàn ông xưng là "anh" trong mẫu cần giám định và tiếng nói của Tống Quang T trong mẫu so sánh là của cùng một người.

Tại bản Cáo trạng số 17/CT-VKS-P2 ngày 30/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố Tống Quang T để xét xử về tội *"Cưỡng đoạt tài sản"* theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2024/HS-ST ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đã quyết định:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Tống Quang T phạm tội "*Cưỡng đoạt tài*

sản".

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Tống Quang T 12 (mười hai) tháng tù. Khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/4/2023 đến ngày 30/11/2023 là 07 (bảy) tháng 13 (mười ba) ngày tù. Bị cáo Tống Quang T còn phải chấp hành tiếp là 04 (bốn) tháng 17 (mười bảy) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo vào trại giam chấp hành án phạt tù.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, Điều 585, Điều 586 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Tống Quang T phải trả lại cho bị hại là chị Hà Thị T1 số tiền đã chiếm đoạt là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Nhưng được khấu trừ đi số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên (theo biên lai số 0001612 ngày 29/11/2023 và biên lai số 0001617 ngày 08/01/2024) bị cáo Tống Quang T còn phải trả tiếp cho bị hại chị Hà Thị T1 số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng).

Tiếp tục phong tỏa số tiền 14.343.274 đồng (Mười bốn triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn hai trăm bảy mươi bốn đồng) trong tài khoản số 19035526166xxx của Ngân hàng T mang tên Nguyễn Thị L2 do bị cáo Tống Quang T sử dụng, để đảm bảo thi hành án.

Kể từ ngày bị hại Hà Thị T1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Tống Quang T chậm trả tiền thì bị cáo Tống Quang T phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/01/2024, người bị hại là chị Hà Thị T1 có đơn kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Tống Quang T và buộc bị cáo T phải bồi thường số tiền 600.000.000 đồng đã chiếm đoạt của chị.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại, tăng hình phạt đối với bị cáo Tống Quang T do Tòa án

cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo T mức án dưới khung hình phạt và cho bị cáo hưởng mức hình phạt thấp nhất khung liền kề là không phù hợp. Về kháng cáo của bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 600.000.000 đồng chiếm đoạt thấy rằng không có căn cứ để xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày của người bị hại, quan điểm của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1]. Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời khai của bị cáo Tống Quang T đã khai nhận hành vi phạm tội tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm; lời khai của của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ căn cứ để xác định: Từ ngày 10/4/2023 đến ngày 22/4/2023, bằng thủ đoạn đe dọa, uy hiếp tinh thần sẽ không cho kinh doanh xổ số và cắt hợp đồng kinh doanh xổ số, Tống Quang T đã có hành vi ép buộc chị Hà Thị T1 làm cho chị T1 sợ hãi bị ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của chị và gia đình (nếu không nộp tiền thì sẽ bị T cắt hợp đồng và gây khó khăn cho chị và gia đình kinh doanh) nên chị T1 đã phải chuyển cho T số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Tống Quang T về tội *"*Cưỡng đoạt tài sản*"* theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2]. Xét kháng cáo của người bị hại chị Hà Thị T1 đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Tống Quang T và buộc bị cáo T phải bồi thường số tiền 600.000.000 đồng đã chiếm đoạt:

Bị cáo T đã lợi dụng việc đứng ra điều hành hoạt động của Tổng đại lý xổ số tại huyện T, tỉnh Điện Biên; lấy quyền quyết định trong việc mở, cắt hợp đồng đối với các đại lý bán vé lô tô, xổ số trên địa bàn quản lý và đe dọa, cưỡng ép chị Hà Thị T1 phải nộp tiền 150.000.000 đồng ngoài thỏa thuận của hợp đồng với Công ty Đ là trái pháp luật. Bản thân bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn thực hiện là do muốn kiếm tiền bằng con đường bất chính; bị cáo đã cố ý trực tiếp cưỡng đoạt tài sản của chị T1. Bị cáo có nhân thân rất xấu, đã bị Tòa án xử phạt nhiều lần với các tội danh khác nhau, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân. Mặc dù, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhưng hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền định đoạt tài sản của bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo xử phạt bị cáo T 12 tháng tù là chưa tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo tăng hình phạt đối với bị cáo T của chị T1 và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Đối với số tiền 110.000.000 đồng chị Hà Thị T1 chuyển khoản cho bị cáo Tống Quang T vào tháng 01/2023, không đủ căn cứ để xác định bị cáo Tống

Quang T cưỡng ép chị T1 phải nộp cho bị cáo số tiền này, nên Toà án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết trong vụ án là đúng pháp luật.

Chị Hà Thị T1 có trình báo bổ sung về việc vào thời gian từ năm 2021 đến năm 2022, bị cáo T yêu cầu đại lý của chị T1 phải nộp tiền bảo kê cho bị cáo mỗi tháng 30 triệu đồng và đe dọa nộp cho T số tiền khoảng hơn 400 triệu đồng. Ngoài lời khai của chị T1 không có các tài liệu, chứng cứ khác nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ xác định bị cáo Tống Quang T cưỡng ép chị T1 phải nộp cho bị cáo số tiền này. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết trong vụ án này là đúng pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của chị T1 buộc bị cáo T phải bồi thường số tiền 600.000.000 đồng.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên chị Hà Thị T1 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của người bị hại Hà Thị T1 về tăng hình phạt đối với bị cáo Tống Quang T, không chấp nhận kháng cáo cáo của chị T1 buộc bị cáo T phải bồi thường số tiền 600.000.000 đồng; sửa quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2024/HS-ST ngày 12/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên về phần hình phạt, cụ thể:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Tống Quang T 24 (hai mươi tư) tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản"; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án; bị cáo được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/4/2023 đến ngày 30/11/2023.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, Điều 585, Điều 586 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Tống Quang T phải trả lại cho bị hại là chị Hà Thị T1 số tiền đã chiếm đoạt là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Nhưng được khấu trừ đi số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên (theo biên lai số 0001612 ngày 29/11/2023 và biên lai số 0001617 ngày 08/01/2024) và số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên (theo biên lai số 0001620 ngày 22/02/2024). Bị cáo Tống Quang T còn phải trả tiếp cho bị hại chị Hà Thị T1 số tiền 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng).

Tiếp tục phong tỏa số tiền 14.343.274 đồng (Mười bốn triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn hai trăm bảy mươi bốn đồng) trong tài khoản số 19035526166xxx của Ngân hàng T mang tên Nguyễn Thị L2 do bị cáo Tống Quang T sử dụng, để đảm bảo thi hành án.

Kể từ ngày bị hại Hà Thị T1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Tống Quang T chậm trả tiền thì bị cáo Tống Quang T phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí: Chị Hà Thị T1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo (theo đ/c);
- Bị hại (theo đ/c);
- Lưu HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thúy Bình

CÁC THẨM PHÁN

Nguyễn Thế Lệ

Võ Hồng Sơn

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thúy Bình